

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~8377~~ /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~11~~ tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh
Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn
dựa trên kết quả vay vốn WB, tỉnh Thái Nguyên năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/07/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 về phê duyệt Văn kiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Văn bản số 6559/BNN-TCTL ngày 04/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Văn kiện dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên thuộc Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2317/SNN-KHTC ngày 25/11/2016; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2111/TTr-SKHĐT ngày 05/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn WB, tỉnh Thái Nguyên năm 2016, như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh đạt tiêu chuẩn tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2016:

- 03 huyện có can thiệp truyền thông vệ sinh, thay đổi hành vi gồm các huyện Đại từ, Đồng Hỷ, Phú Lương.

- 03 xã đạt vệ sinh toàn xã thuộc 3 huyện có can thiệp.

- 23.281 số người hưởng lợi từ hoạt động truyền thông, thay đổi hành vi của dự án.

II. Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của tỉnh

1. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh thực hiện:

- Tổ chức hội nghị triển khai dự án: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn các cấp;

- Tổ chức các lớp tập huấn:

+ Tập huấn cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá;

+ Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng cho 3 huyện và 3 xã;

+ Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên các xã;

+ Tập huấn cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và Ban giám hiệu/giáo viên: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát;

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: (i) phát thông điệp truyền thông; (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin; (iii) viết và đăng các bài trên báo/tập san;

- Hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lựa chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường;

- Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng;

- Triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi;

- Các hoạt động giám sát: Giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông, các nhà tiêu hộ gia đình và vệ sinh trong trường học;

- Tham quan Mô hình cửa hàng tiện ích tại huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình;

- Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước theo quy chuẩn cho Trường học và Trạm Y tế;

- Kiểm đếm xác nhận xã đạt “Vệ sinh toàn xã” và tổ chức công nhận;

- In ấn và phân phối tài liệu truyền thông;

- Họp giao ban, báo cáo định kỳ, tổng kết cuối năm.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện:

- Tập huấn TOT cho cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ban Giám hiệu/giáo viên: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Triển khai các hoạt động truyền thông trong trường học: Hội thi, tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ ngoại khóa, qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các trường học;
- Duy trì hoạt động truyền thông vào các hoạt động thường xuyên của trường học;
- Hướng dẫn và giám sát học sinh, giáo viên sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh bền vững.

3. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện: 1.010.000.000 đồng (có phụ lục kèm theo).

a) Kinh phí:

- Ngành Y tế: 830.000.000 đồng;
- Ngành Giáo dục: 180.000.000 đồng.

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân hàng thế giới (WB).

4. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, giám sát kế hoạch thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của các đơn vị trực tiếp thực hiện.
- Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp thực hiện truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học.
- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh trực tiếp thực hiện truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh và nước sạch tại các Trạm Y tế.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Lãnh đạo VP: Đ/c Vĩnh;
- Lưu: VT, CNN, VXKG.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Tuấn

Phụ lục:

**Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh
Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn
dựa trên kết quả vay vốn WB tỉnh Thái Nguyên năm 2016**

(Kèm theo Quyết định số 3377 /QĐ-UBND ngày 12 /12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. Ngành Y tế

I. Cấp tỉnh

1. Địa bàn can thiệp

TT	Huyện	Số xã đạt vệ sinh toàn xã	Số dân hưởng lợi	Tổng kinh phí (đồng)
1	Đại Từ	01	6.850	
2	Đông Hy	01	7.221	
3	Phú Lương	01	9.210	
	Tổng	03	2.3281	830.000.000

2. Các hoạt động truyền thông cấp tỉnh

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí (đồng)
				Đầu mối	Phối hợp	
1	Tổ chức hội nghị giới thiệu chương trình vệ sinh, triển khai kế hoạch năm 2016	Số cuộc: 01 Số người tham dự: 100	Tháng 9	TTYTDP	Các Sở, Ban, ngành	36.600.000
2	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan, viết báo cáo năm	Số ngày : 24	Tháng 8, 9, 12	TTYTDP	Các Sở, Ban, ngành	2.400.000
3	Tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt cấp tỉnh, huyện về TT thay đổi hành vi, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá	Số lớp: 01 Số người tham dự: 29	Tháng 10	TTYTDP		72.850.000
4	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tạp san.	- 01 phóng sự tuyên truyền trên đài truyền hình Thái Nguyên - Phát 01 quảng cáo của Chương trình khoảng 30 giây: - Đăng tin trên báo Thái Nguyên: 02 lần	Tháng 11	TTYTDP	TT truyền thông; Đài Phát thanh - Truyền hình; Báo Thái Nguyên	26.000.000
5	Tham quan học tập kinh nghiệm lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường tại tỉnh Hòa Bình để xây dựng ở 3 huyện vào năm 2016	Số cuộc: 01 cuộc Số người tham dự: 17	Tháng 8	TTYTDP		29.150.000
6	Xét nghiệm chất lượng nước cho Trạm Y tế và Trường học	Số mẫu: 12	Tháng 9	TTYTDP		23.682.000

7	Kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyên truyền xã; phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt "Vệ sinh toàn xã"	60 thôn, 6 trường học	Tháng 9, 10, 11, 12	TTYTDP	TTYT huyện, 3 xã	63.300.000
8	Điều tra ban đầu về hiện trạng nhà tiêu và tình trạng VS Trường học, Trạm Y tế (các xã dự kiến VSTX)	Số ngày: 20 Số người: 3	Tháng 8	TTYTDP	TTYT huyện, TYT xã, YTTB, PN	21.000.000
9	Sản xuất tài liệu truyền thông và phát triển công nghệ mới theo mẫu của CQLMTYT (Kinh phí dự kiến)	Pano: 3; băng đĩa: 60; Sổ tay hướng dẫn: 120; Tờ rơi: 10.000 tờ; Mô hình nhà tiêu: 15 bộ, sách lật, áp phích..	Tháng 10	TTYTDP	TTYT huyện, TYT xã	58.800.000
10	Xây dựng 3 mô hình CHTI/ Khảo sát, Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh (CHTI) phát triển thị trường; Khuôn đúc bê tông, bảng tên cửa hàng, thợ xây...		Tháng 8, 9	TTYTDP	TTYT huyện, TYT xã	41.800.000
11	Họp giao ban BQL tỉnh dự án tỉnh và huyện: Lãnh đạo, thư ký, TTYT 3 huyện, BQL 3 xã: trưởng ban, trưởng trạm Y tế	01 quý/1 lần 21 đại biểu	Tháng 11	TTYTDP		6.170.000
12	Liên lạc, thông tin, văn phòng phẩm, thiết bị truyền thông					33.108.000
CỘNG						393.860.000

II. Cấp huyện

1. Địa bàn can thiệp năm 2016

TT	Tên xã can thiệp để đạt vệ sinh toàn xã	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
1	Phú Lạc - Đại Từ	20	1.770	6.850	36.0	≥ 70 %
2	Khe Mo - Đồng Hỷ	15	1.833	7.221	61.3	≥ 70 %
3	Vô Tranh - Phú Lương	25	2.311	9.210	64.5	≥ 70 %
	Cộng	60	5.914	23.281		

2. Các hoạt động truyền thông

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian	Người thực hiện		Kinh phí (đồng)
				Đầu mối	Phối hợp	
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	Số cuộc: 03 cuộc Số người tham dự: 100 người/cuộc	Tháng 10	TTYTDP	Các Phòng, ban cấp huyện	66.400.000
2	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan		Tháng 10,11	TTYTDP		0

3	Tập huấn cho chủ cửa hàng tiện ích và Cộng tác viên bán hàng về kế hoạch kinh doanh và truyền thông phát triển thị trường.	Số lớp: 01 lớp Số người tham dự: 21	Tháng 10	TTYTDP	TTYT huyện	12.170.000
4	Tập huấn cho thợ xây, Chủ cửa hàng tiện ích về kỹ thuật xây các loại nhà tiêu HVS, phương án tài chính, chuỗi cung ứng	Số lớp: 01 Số người tham dự: 21	Tháng 10	TTYTDP		17.740.000
5	Phối hợp với TTYTDP tỉnh tổ chức ngày hội vệ sinh nhân Ngày Nhà tiêu thế giới 19/11 tại huyện Đại Từ	Số cuộc: 01 Số người tham dự: 200	Tháng 11	TTYTDP	TTYT huyện	32.000.000
6	Hội thảo tổng kết cuối năm (có thể tổ chức tại tỉnh)	Số cuộc: 03 Số người: 50/cuộc	Tháng 12	TTYTDP	TTYT huyện	33.000.000
7	Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã và Kiểm tra, giám sát hỗ trợ	Số thôn: 60 Số người: 02 Số ngày: 02	Tháng 10, 11, 12	TTYTDP	TTYT huyện	24.000.000
8	Liên lạc, báo cáo, văn phòng phẩm	03 huyện				6.000.000
	CỘNG					191.850.000

III. Cấp xã

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (đồng)
				Đầu mối	Phối hợp	
1. HOẠT ĐỘNG CẤP XÃ						
1	Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã	01	Tháng 11	TTYTDP	TYT xã	0
2	Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn	01	Tháng 10	TTYTDP	TYT xã	34.050.000
3	Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn	01	Tháng 10	TTYTDP	TYT xã	0
4	Tập huấn tuyên truyền viên của xã VSTX gồm trưởng xóm, Chi hội PNVà các Ban ngành của xã về kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS	Số lớp: 03 Số người tham dự: 45	Tháng 10	TTYTDP	UBND, TTV	40.800.000
5	Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như lễ phát động, ngày hội vệ sinh đẩy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn (1 lần/năm).					0
6	Lắp đặt pano, áp phích truyền thông, vẽ tranh tường về vệ sinh môi trường tại trạm y tế xã, trường học, nơi công cộng	Số Pano: 6 Số tranh tường: 3 Số xã: 3	Tháng 11	TTYTDP	TYT	14.250.000
7	Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã	Số lần: 8 Số xã: 3	Tháng 10,11, 12	TTYTDP	TYT	360.000
8	Hỗ trợ huyện lựa chọn cộng tác viên bán hàng, cửa hàng tiện ích và thợ xây		Tháng 9,10	TTYTDP		0
9	Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học	Số xã: 3 Số trường: 6	Tháng 11, 12	TTYTDP	TTT	0
10	Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn	60 thôn	Tháng 11, 12	TTYTDP	TTV	36.000.000

11	Họp Giao ban và báo cáo định kỳ	01	Tháng 10, 11,12	TTYTDP	Ban ngành xã	16.950.000
12	Liên lạc, thông tin, văn phòng phẩm					3.900.000
	CỘNG					146.310.000
2. HOẠT ĐỘNG CẤP THÔN						
1	Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản	Số lượng: 60 Số xã: 3	Tháng 10	TTYTDP	Thôn	30.000.000
2	Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn)	01 cuộc/thôn	Tháng 10	TTYTDP	Thôn	18.000.000
3	Họp lồng ghép vào các cuộc họp thôn định kỳ/các cuộc họp của ban ngành/đoàn thể (HPN, đoàn thanh niên....) để duy trì và tiếp tục thúc đẩy xây và sử dụng nhà tiêu HVS		Tháng 11, 12	TTYTDP	Thôn	0
4	Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	Thăm vận động: 1296 hộ	Tháng 10	TTYTDP	Thôn	38.880.000
5	Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích		Tháng 10, 11	TTYTDP		0
6	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh thôn, xóm		Tháng 9 10	TTYTDP	Thôn	11.100.000
7	Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã		Tháng 10,11,12	TTYTDP	TTV	0
8	Tham gia các hoạt động của xã		Tháng 10,11,12	TTYTDP	TTV	0
9	Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt "Vệ sinh toàn xã"		Tháng 12	TTYTDP	TTV	0
	CỘNG					97.980.000

B. Ngành Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí (đồng)
				Đầu mỗi	Phối hợp	
1	Hội thảo triển khai kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học năm 2016 cho các lãnh đạo Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và Ban giám hiệu các trường Mầm non, Tiểu học 03 huyện (Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương)	01 cuộc Số người tham dự: 100	Tháng 9	Sở GD&ĐT	TTYTDP	37.500.000
2	Tập huấn hướng dẫn thực hiện truyền thông cho đại diện giáo viên của các trường nằm trong các xã VSTX gồm Phòng GD&ĐT 3 huyện, Ban giám hiệu các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, phụ trách Đội TNTP HCM tại 03 huyện (Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương)	Số lớp: 03 Số người tham dự: 40	Tháng 10	Sở GD&ĐT	TTYTDP	37.170.000
3	Tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh như thi vẽ tranh, thi tìm hiểu, biểu diễn văn nghệ...	Số cuộc: 3 Số trường: 6	Tháng 10,11	Sở GD&ĐT	TTYTDP, các trường	58.100.000

4	In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các phòng GD&ĐT, Trường học		Tháng 10	Sở GD&ĐT	Các trường	28.740.000
5	Giám sát các hoạt động trong Trường học	Số trường: 6 Số ngày: 108	Tháng 10,11	Sở GD&ĐT	Phòng, Sở GD&ĐT	16.200.000
6	Liên lạc, thông tin, văn phòng phẩm			Sở GD&ĐT		2.290.000
	CỘNG					180.000.000
